

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 35

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 1100107301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 1 tháng 11 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/GPPH do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2000.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản, và dịch vụ cho thuê kho bãi.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 81B Quốc lộ 62, phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Chiểu	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2015
Ông Nguyễn Như Song	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Ngọc Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Văn Đông	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Anh Phương	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Vũ Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Thị Trọng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Đặng Quốc Thanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2015
	Phó Tổng Giám đốc	cho đến trước ngày 8 tháng 1 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Khải	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2015
Bà Huỳnh Thị Ngọc Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2016
Ông Vũ Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Khải. Ông Phan Ngọc Sơn được Ông Nguyễn Văn Khải ủy quyền để ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Phan Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61207844/17860108

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2015.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		230.778.747.155	152.267.322.673
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	20.729.833.947	30.160.919.250
111	1. Tiền		20.729.833.947	10.360.919.250
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	19.800.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.009.101.472	1.009.101.472
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.050.172.168	2.050.172.168
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.041.070.696)	(1.041.070.696)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		48.115.118.855	29.549.141.449
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	45.301.902.502	25.042.630.438
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	6.570.637.954	4.263.168.921
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	325.091.487	3.740.805.524
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.545.513.525)	(3.960.463.871)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		463.000.437	463.000.437
140	IV. Hàng tồn kho	9	158.680.861.483	89.995.865.749
141	1. Hàng tồn kho		158.680.861.483	91.938.865.749
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.943.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.243.831.398	1.552.294.753
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	152.512.410	202.812.918
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.091.318.988	1.349.481.835
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		74.316.304.145	87.920.135.155
220	I. Tài sản cố định		51.313.900.662	54.587.220.613
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	51.235.894.319	53.985.580.165
222	Nguyên giá		82.211.639.696	88.436.899.225
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.975.745.377)	(34.451.319.060)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	78.006.343	601.640.448
228	Nguyên giá		136.629.500	1.923.974.368
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(58.623.157)	(1.322.333.920)
230	II. Bất động sản đầu tư	12	4.242.966.547	-
231	1. Nguyên giá		13.249.634.175	-
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(9.006.667.628)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		376.918.133	497.895.445
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		376.918.133	497.895.445
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		-	14.700.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13	-	14.700.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		18.382.518.803	18.135.019.097
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	18.382.518.803	18.135.019.097
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		305.095.051.300	240.187.457.828



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		153.953.485.232	113.434.730.251
310	I. Nợ ngắn hạn		149.339.211.625	113.404.844.223
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	3.617.389.851	25.521.692.027
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		154.041.074	1.083.957.820
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	47.326.592	2.289.725.512
314	4. Phải trả người lao động		4.431.417.528	5.066.987.541
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		300.000.303	298.592.784
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		70.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	10.889.741.333	4.263.093.183
320	8. Vay ngắn hạn	18	129.288.152.741	74.003.118.953
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		541.142.203	877.676.403
330	II. Nợ dài hạn		4.614.273.607	29.886.028
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	798.000.000	-
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	-	29.886.028
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	19	3.816.273.607	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		151.141.566.068	126.752.727.577
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	151.141.566.068	126.752.727.577
411	1. Vốn cổ phần		147.280.190.000	147.280.190.000
411a	- Cổ phiếu có đông có quyền biểu quyết		147.280.190.000	147.280.190.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.894.688.720	24.894.688.720
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		49.627.325.328	49.627.325.328
421	4. Lỗ lũy kế		(70.660.637.980)	(95.049.476.471)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(95.049.476.471)	(106.693.071.612)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		24.388.838.491	11.643.595.141
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		305.095.051.300	240.187.457.828

Trương Thị Phượng Linh
Người lập biểu

Dư Trường Linh
Kế toán trưởng

PHAN NGỌC SƠN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An


B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	882.205.721.127	695.224.851.212
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(4.857.712.330)	(3.782.646.865)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	877.348.008.797	691.442.204.347
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(830.415.173.634)	(647.377.855.731)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		46.932.835.163	44.064.348.616
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	25.535.600.610	7.132.070.343
22	7. Chi phí tài chính	23	(15.799.681.972)	(7.537.601.129)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(5.068.014.369)	(3.952.131.384)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(18.244.579.705)	(18.968.857.565)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(13.303.657.678)	(13.148.602.967)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.120.516.418	11.541.357.298
31	11. Thu nhập khác	25	734.820.575	354.193.783
32	12. Chi phí khác	25	(1.496.384.530)	(247.270.770)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	25	(761.563.955)	106.923.013
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.358.952.463	11.648.280.311
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	-
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27.2	29.886.028	(4.685.170)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.388.838.491	11.643.595.141
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.3	1.656	791
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.3	1.656	791

301
TY
I AN
H HAP
KH AU
G AN
N-T-L


Trương Thị Phương Linh
Người lập biểu


Dư Trường Linh
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 15 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.358.952.463	11.648.280.311
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10,11,12	6.020.239.057	4.395.638.129
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(1.357.950.346)	2.240.953.069
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21.2, 23	528.656.990	(16.312.163)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(21.905.506.057)	(4.847.869.554)
06	Chi phí lãi vay	23	5.068.014.369	3.952.131.384
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.712.406.476	17.372.821.176
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(23.471.413.267)	9.490.485.969
10	Tăng hàng tồn kho		(66.741.995.734)	(51.905.928.125)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(14.106.901.726)	16.649.239.033
12	Tăng (giảm) chi phí trả trước		369.532.434	(498.356.886)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.001.422.972)	(3.958.040.029)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(336.534.200)	(3.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(96.576.328.989)	(12.852.778.862)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(8.297.431.727)	(11.751.715.377)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		497.337.819	150.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		24.990.000.000	424.500.000
27	Tiền thu lãi và lợi nhuận được chia		15.165.634.925	2.555.106.201
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		32.355.541.017	(8.622.109.176)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		820.670.389.825	573.718.608.324
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(765.869.143.852)	(550.733.298.407)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		54.801.245.973	22.985.309.917



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Luân chuyển tiền thuần trong năm		(9.419.541.999)	1.510.421.879
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		30.160.919.250	28.649.256.457
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(11.543.304)	1.240.914
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	20.729.833.947	30.160.919.250



Trương Thị Phượng Linh
Người lập biểu



Dư Trường Linh
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1100105380 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 1 tháng 11 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/GPPH do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2000.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 81B Quốc lộ 62, phường 2, Thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 528 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 964).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Việt Nam đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 31.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

301
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao và khấu trừ lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	7 - 8 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	9 năm
Nhà cửa	5 - 20 năm
Tài sản khác	6 - 15 năm



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Khoản đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính được hạch toán như khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê theo lãi suất cố định trên giá trị đầu tư thuần hiện có.

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào các đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc năm tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Long An vào ngày 11 tháng 11 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.13 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả (tiếp theo)

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với:

- ▶ Cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc giả định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	140.120.446	42.951.570
Tiền gửi ngân hàng	20.589.713.501	10.317.967.680
Các khoản tương đương tiền	-	19.800.000.000
TỔNG CỘNG	20.729.833.947	30.160.919.250

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần	
	Chứng khoán kinh doanh						
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nông sản Ninh Thuận	1.050.000.000	(1.041.070.696)	8.929.304	1.050.000.000	(1.041.070.696)	8.929.304	
Công ty Cổ phần Điện cơ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	
Khác	172.168	-	172.168	172.168	-	172.168	
TỔNG CỘNG	2.050.172.168	(1.041.070.696)	1.009.101.472	2.050.172.168	(1.041.070.696)	1.009.101.472	

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	45.096.730.520	22.879.477.089
<i>Công ty Intersnack Procurement B.V</i>	22.661.030.000	15.426.337.500
<i>Công ty TNHH Lợi Toàn</i>	4.478.441.800	-
<i>Công ty TNHH Target Agriculture</i>	2.922.990.000	6.875.976.049
<i>Khách hàng khác</i>	15.034.268.720	577.163.540
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	205.171.982	2.163.153.349
TỔNG CỘNG	45.301.902.502	25.042.630.438
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(491.984.717)	(471.419.448)
THUẬN	44.809.917.785	24.571.210.990

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Sita S.A.	1.579.459.464	1.579.459.464
Công ty Samcad Holding	1.282.750.912	1.282.750.912
Công ty Hong Liang Sun	1.279.262.893	-
Công ty Kothari Products Singapore	864.162.238	-
Các khoản trả trước khác	1.565.002.447	1.400.958.545
TỔNG CỘNG	6.570.637.954	4.263.168.921
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.680.464.423)	(3.480.544.423)
THUẬN	2.890.173.531	782.624.498

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ	43.000.000	44.500.000
Phải thu cổ tức	-	3.528.000.000
Phải thu khác	282.091.487	168.305.524
TỔNG CỘNG	325.091.487	3.740.805.524
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	325.091.487	212.805.524
<i>Phải thu từ các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 28)</i>	-	3.528.000.000

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	60.795.477.514	9.010.795.957
Thành phẩm	54.197.468.837	47.867.114.552
Nguyên liệu, vật liệu	21.699.776.401	1.385.262.515
Hàng gửi đi bán	14.729.394.544	-
Hàng hóa	5.422.670.510	5.517.544.168
Công cụ, dụng cụ	1.836.073.677	2.749.640.742
Hàng mua đang đi đường	-	25.408.507.815
TỔNG CỘNG	158.680.861.483	91.938.865.749
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.943.000.000)
THUẬN	158.680.861.483	89.995.865.749

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.943.000.000	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	1.943.000.000
Trừ: Sử dụng trong năm	(1.943.000.000)	-
Số cuối năm	-	1.943.000.000



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	41.235.753.750	37.526.238.513	8.493.045.581	1.181.861.381	88.436.899.225
Mua mới	553.814.859	6.413.563.735	530.210.413	-	7.497.589.007
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 12)	(9.905.491.922)	(2.020.287.658)	(821.054.993)	-	(12.746.834.573)
Thanh lý	-	(539.040.000)	(404.826.400)	(32.147.563)	(976.013.963)
Số cuối năm	<u>31.884.076.687</u>	<u>41.380.474.590</u>	<u>7.797.374.601</u>	<u>1.149.713.818</u>	<u>82.211.639.696</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	2.877.504.369	3.120.896.107	894.596.963	352.728.996	7.245.726.435
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	14.351.178.397	15.469.827.340	3.818.174.815	812.138.508	34.451.319.060
Khấu hao trong năm	1.224.753.384	3.092.389.521	616.194.840	106.832.159	5.040.169.904
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 12)	(5.911.116.735)	(1.482.470.278)	(431.076.330)	-	(7.824.663.343)
Thanh lý	-	(254.106.281)	(404.826.400)	(32.147.563)	(691.080.244)
Số cuối năm	<u>9.664.815.046</u>	<u>16.825.640.302</u>	<u>3.598.466.925</u>	<u>886.823.104</u>	<u>30.975.745.377</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>26.884.575.353</u>	<u>22.056.411.173</u>	<u>4.674.870.766</u>	<u>369.722.873</u>	<u>53.985.580.165</u>
Số cuối năm	<u>22.219.261.641</u>	<u>24.554.834.288</u>	<u>4.198.907.676</u>	<u>262.890.714</u>	<u>51.235.894.319</u>
<i>Trong đó:</i>					
Thế chấp (Thuyết minh số 18)	14.755.758.947	2.099.641.839	994.902.056	-	17.850.302.842

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	1.787.344.868	136.629.500	1.923.974.368
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 12)	<u>(1.787.344.868)</u>	-	<u>(1.787.344.868)</u>
Số cuối năm	-	<u>136.629.500</u>	<u>136.629.500</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	1.276.814.535	45.519.385	1.322.333.920
Khấu trừ trong năm	-	13.103.772	13.103.772
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 12)	<u>(1.276.814.535)</u>	-	<u>(1.276.814.535)</u>
Số cuối năm	-	<u>58.623.157</u>	<u>58.623.157</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>510.530.333</u>	<u>91.110.115</u>	<u>601.640.448</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>78.006.343</u>	<u>78.006.343</u>



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

				VND
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa và vật kiến trúc	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	-	-	-	-
Chuyển từ tài sản cố định	1.787.344.868	9.905.491.922	2.841.342.651	14.534.179.441
Thanh lý	-	-	(1.284.545.266)	(1.284.545.266)
Số cuối năm	<u>1.787.344.868</u>	<u>9.905.491.922</u>	<u>1.556.797.385</u>	<u>13.249.634.175</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>161.323.588</i>	<i>4.092.436.587</i>	<i>456.796.490</i>	<i>4.710.556.665</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	-	-	-	-
Chuyển từ tài sản cố định	1.276.814.535	5.911.116.735	1.913.546.608	9.101.477.878
Hao mòn trong năm	226.050.375	535.058.864	205.856.142	966.965.381
Thanh lý trong năm	-	-	(1.061.775.631)	(1.061.775.631)
Số cuối năm	<u>1.502.864.910</u>	<u>6.446.175.599</u>	<u>1.057.627.119</u>	<u>9.006.667.628</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>284.479.958</u>	<u>3.459.316.323</u>	<u>499.170.266</u>	<u>4.242.966.547</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thế chấp (Thuyết minh số 18)</i>	<i>311.262.156</i>	<i>3.835.604.855</i>	<i>-</i>	<i>4.146.867.011</i>

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	1.200.909.091	-
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	372.693.177	-

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên đơn vị	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ	-	-	14.700.000.000	49%

Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết theo Hợp đồng chuyển nhượng số 14/2015/HĐCN ngày 14 tháng 8 năm 2015. Theo đó, vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không còn nắm giữ khoản đầu tư vào công ty này.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Bảo hiểm	3.995.200	24.004.684
Khác	148.517.210	178.808.234
	152.512.410	202.812.918
Dài hạn		
Chi phí thuê đất	16.550.526.028	16.950.121.480
Công cụ, dụng cụ	1.831.992.775	1.184.897.617
	18.382.518.803	18.135.019.097
TỔNG CỘNG	18.535.031.213	18.337.832.015

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đoàn Tiến Phát	639.499.004	-
Công ty TNHH Nhựa Duy Tân	465.896.904	239.381.395
Công ty Olam Singapore	436.759.609	22.346.513.106
Phải trả đối tượng khác	2.075.234.334	2.935.797.526
TỔNG CỘNG	<u>3.617.389.851</u>	<u>25.521.692.027</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí thuê đất	-	2.242.398.920
Khác	47.326.592	47.326.592
TỔNG CỘNG	<u>47.326.592</u>	<u>2.289.725.512</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ (*)	9.140.000.000	-
Kinh phí công đoàn	1.335.837.987	1.593.401.280
Bảo hiểm xã hội	-	102.223.884
Phải trả, phải nộp khác	413.903.346	2.567.468.019
	<u>10.889.741.333</u>	<u>4.263.093.183</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ	798.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>11.687.741.333</u>	<u>4.263.093.183</u>

(*) Bao gồm trong số dư là khoản tiền 1.300.000.000 VND thể hiện khoản tiền ký quỹ từ bên khác để mua bất động sản đầu tư của Công ty.

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	<u>129.288.152.741</u>	<u>74.003.118.953</u>

Công ty thực hiện các khoản vay này để tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("VietinBank")	79.975.140.741	Từ ngày 17 tháng 3 năm 2016 đến ngày 24 tháng 7 năm 2016	Từ 2,8 đến 3,6	Quyền sử dụng đất và công trình trên đất, máy móc, thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex ("PG Bank")	49.313.012.000	Từ ngày 5 tháng 5 năm 2016 đến ngày 21 tháng 6 năm 2016	3,1	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>129.288.152.741</u>			

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc	<u>3.816.273.607</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	147.280.190.000	24.894.688.720	49.630.325.328	(106.693.071.612)	115.112.132.436
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	(3.000.000)	-	(3.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	11.643.595.141	11.643.595.141
Số cuối năm	<u>147.280.190.000</u>	<u>24.894.688.720</u>	<u>49.627.325.328</u>	<u>(95.049.476.471)</u>	<u>126.752.727.577</u>
Năm nay					
Số đầu năm	147.280.190.000	24.894.688.720	49.627.325.328	(95.049.476.471)	126.752.727.577
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	24.388.838.491	24.388.838.491
Số cuối năm	<u>147.280.190.000</u>	<u>24.894.688.720</u>	<u>49.627.325.328</u>	<u>(70.660.637.980)</u>	<u>151.141.566.068</u>



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	14.728.019	14.728.019
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.728.019	14.728.019
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.728.019	14.728.019

20.3 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	24.388.838.491	11.643.595.141
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (<i>cổ phiếu</i>)	14.728.019	14.728.019
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.656	791

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.



Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	882.205.721.127	695.224.851.212
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	881.004.812.036	695.224.851.212
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư</i>	1.200.909.091	-
Trừ	(4.857.712.330)	(3.782.646.865)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(719.322.535)	(650.393.466)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(4.138.389.795)	(3.132.253.399)
Doanh thu thuần	877.348.008.797	691.442.204.347
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	876.147.099.706	691.442.204.347
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư</i>	1.200.909.091	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	876.309.710.232	688.986.967.975
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 28)</i>	1.038.298.565	2.455.236.372

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	11.292.015.194	3.672.012.000
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	10.290.000.000	124.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.619.729.018	2.406.499.758
Lãi tiền gửi ngân hàng	333.856.398	912.746.422
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	16.312.163
TỔNG CỘNG	25.535.600.610	7.132.070.343

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	831.985.480.457	645.434.855.731
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	372.693.177	-
	(1.943.000.000)	1.943.000.000
TỔNG CỘNG	830.415.173.634	647.377.855.731

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.203.010.613	2.544.399.049
Chi phí lãi vay	5.068.014.369	3.952.131.384
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	528.656.990	-
Dự phòng đầu tư tài chính	-	1.041.070.696
TỔNG CỘNG	15.799.681.972	7.537.601.129

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	18.244.579.705	18.968.857.565
- Chi phí vật liệu, bao bì đóng gói	5.649.233.784	5.353.702.924
- Chi phí nhân viên	2.567.372.947	3.713.256.335
- Chi phí hoa hồng	2.468.499.497	2.835.512.964
- Chi phí xuất khẩu	2.190.327.074	1.836.645.451
- Chi phí khác	5.369.146.403	5.229.739.891
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.303.657.678	13.148.602.967
- Chi phí nhân viên	11.095.975.574	9.232.767.382
- Chi phí khác	2.207.682.104	3.915.835.585
TỔNG CỘNG	31.548.237.383	32.117.460.532

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	734.820.575	354.193.783
Thu khoản nợ khó đòi đã xóa sổ	454.709.932	-
Thu tiền bồi thường hàng hóa	211.549.021	-
Lãi từ thanh lý tài sản	-	138.611.132
Khác	68.561.622	215.582.651
Chi phí khác	(1.496.384.530)	(247.270.770)
Chi phí khấu hao tài sản	(639.320.434)	-
Phạt thuế nhập khẩu	(604.219.974)	-
Lỗ từ thanh lý tài sản	(10.365.535)	-
Khác	(242.478.587)	(247.270.770)
GIÁ TRỊ THUẦN	(761.563.955)	106.923.013

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	910.293.976.736	608.535.234.985
Chi phí nhân công	46.429.578.815	52.019.446.470
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.380.918.623	4.450.017.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.781.062.785	17.364.157.663
Chi phí khác	4.510.644.426	8.158.303.911
TỔNG CỘNG	978.396.181.385	690.527.160.431

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.358.952.463	11.648.280.311
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	1.419.189.141	32.427.300
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.816.273.607	-
Thay đổi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	85.516.558	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(195.240.511)
Thu nhập từ cổ tức	(11.292.015.194)	(3.672.012.000)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	18.387.916.575	7.813.455.100
Lỗ các năm trước được chuyển	(18.387.916.575)	(7.813.455.100)
Thu nhập chịu thuế ước tính	-	-

173
 CÔNG TY
 HẢI
 SẢN H
 T KH
 NG A
 AN-T

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
VND				
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	(29.886.028)	(29.886.028)	4.685.170
	-	(29.886.028)		
(Thu nhập) chi phí thuế thu nhập hoãn lại			(29.886.028)	4.685.170

27.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai:

Chênh lệch tạm thời

	VND
	Số tiền
Lỗi chuyển sang từ năm trước	123.910.374.404
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.816.273.607
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	221.362.141
TỔNG CỘNG	127.948.010.152

Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 123.910.374.404 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 142.298.290.979 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	VND			
		Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
2012	2017	152.975.158.226	29.064.783.822	-	123.910.374.404

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Cần Thơ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	11.172.000.000	3.528.000.000
Công ty Cổ phần Điện Cơ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	120.000.000	120.000.000
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.038.298.565	2.455.236.372

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Công ty Cổ phần Bibica	Bên liên quan	Bán hàng	205.171.982	-
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông	Bên liên quan	Bán hàng	-	2.163.153.349
TỔNG CỘNG			205.171.982	2.163.153.349
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Cần Thơ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	-	3.528.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	2.331.784.673	1.861.219.287



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

29. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	124.124.338	237.485.794
Từ 1 đến 5 năm	496.497.350	949.943.174
Trên 5 năm	1.856.817.630	2.519.840.706
TỔNG CỘNG	<u>2.477.439.318</u>	<u>3.707.269.674</u>

Cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.680.000.000	-
Trên 1 năm	1.991.150.000	-
TỔNG CỘNG	<u>3.671.150.000</u>	<u>-</u>

30. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong báo cáo tài chính của năm này. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	VND Số cuối năm (được phân loại lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.685.221.941	55.583.583	3.740.805.524
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	463.000.437	463.000.437
Tài sản ngắn hạn khác	518.584.020	(518.584.020)	-
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập khác	365.582.651	(11.388.868)	354.193.783
Chi phí khác	(258.659.638)	11.388.868	(247.270.770)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Trương Thị Phương Linh
Người lập biểu



Dương Trường Linh
Kế toán trưởng



Phan Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

